

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHƯ XUÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 14/2022/HS-ST
Ngày 06-4-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Công Tuấn.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lô Thị Diễm;

2. Bà Lê Thị Bảy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lô Thị Minh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Lê Anh Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 09/2022/TLST-HS ngày 16 tháng 3 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2022/QĐXXST-HS ngày 23/3/2022, đối với bị cáo:

Lê Đình T; Sinh ngày: 06/5/1991 tại huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: thôn Tân Thịnh, xã Hóa Quỳ, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thổ; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Lê Đình T1 và bà: Lê Thị H; Có vợ là: Lương Thị Ph; Tiền án, Tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/01/2022 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Lê Đình T: Ông Hoàng Đức Hiếu - Trợ giúp viên pháp lý Chi nhánh TGPL số 4 thuộc Trung tâm TGPL Nhà nước tỉnh Thanh Hóa. (Vắng mặt có lý do).

- Bị hại: Anh Lê Đình Q - Sinh ngày: 1989; Địa chỉ: thôn Tân Thịnh, xã Hóa Quỳ, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. (Vắng mặt có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 05/1/2022, anh Lê Đình Q ở thôn Tân Thịnh, xã Hóa Quý, huyện Như Xuân trình báo với Công an xã Hóa Quý về việc anh để số tiền 10.000.000đ trong vali vải tại gian trong phòng ngủ của gia đình và bị kẻ gian đột nhập trộm cắp. Quá trình xác minh ban đầu, ngày 06/1/2022, Công an xã Hóa Quý đã tiến hành triệu tập đối tượng Lê Đình T (là đối tượng nghi vấn thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nói trên) để làm rõ nội dung sự việc; tại Công an xã Hóa Quý, T đã xin được đầu thú và thừa nhận hành vi trộm cắp tiền 10.000.000đ của anh Q; Công an xã Hóa Quý đã chuyển toàn bộ hồ sơ vụ việc đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Như Xuân để điều tra làm rõ:

Khoảng 08 giờ ngày 05/01/2022, Lê Đình T, đi ngang qua nhà anh Lê Đình Q, thì anh Q có nhờ T kéo thước dây đo nền nhà để chuẩn bị lát gạch, T đồng ý và vào kéo thước dây giúp anh Q đo nền nhà; sau khi đo xong, anh Q và T ngồi uống nước, nói chuyện, T có hỏi: *“Tiền đâu mà mua gạch lát nhà”* thì anh Q nói: *“Tiền vợ anh đi làm gửi về”*, được một lúc thì T ra về; khoảng hơn 10 giờ, T đi bộ sang nhà anh Q chơi, vào đến hiên nhà thì thấy anh Q đang đứng ở chân cột nhà cạnh giường ngủ, quay lưng hướng về phía trong căn nhà, người cúi xuống chiếc vali, tay đang sắp xếp, cất đồ đạc bên trong chiếc vali; lúc này T đã nghĩ anh Q cất tiền vợ gửi về trong chiếc vali nên đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản; T đi thẳng vào bên trong căn nhà thì anh Q quay ra nói chuyện, được một lúc thì anh Q đi đón con còn T về. Khoảng 13 giờ 30 phút, T tiếp tục quay sang nhà anh Q với mục đích là để tìm cơ hội thực hiện hành vi trộm tiền; khi đi đến sân nhà anh Q thì T thấy cánh cửa căn nhà gỗ khép hờ, T đi thẳng vào nhà mở cửa quan sát thấy không có ai, T nhanh chóng tiến lại khu vực chiếc vali (chiếc vali mà lúc sang thấy anh Q đứng cất đồ), đặt chiếc bì màu trắng đựng quần áo bên trên chiếc vali xuống nền nhà, kéo nắp chiếc vali ra, dùng tay trái giữ nắp vali, tay phải thò vào bên trong vali đựng quần áo để tìm tiền thì phát hiện bên dưới lớp quần áo sát với mép trong bên phải chiếc vali có một cục tiền polime được gấp đôi, T liền lấy cục tiền ra thì thấy cục tiền polime gồm nhiều tờ tiền mệnh giá từ 100.000đ đến 500.000đ, T bỏ cục tiền vào trong túi quần phía trước bên phải rồi đóng nắp vali lại và đặt chiếc bì màu trắng đựng quần áo lên trên nắp vali như vị trí cũ. Sau đó T trở về nhà và đi thẳng vào gian phòng ngủ của hai vợ chồng T lấy số tiền vừa trộm cắp ra đếm được 10.000.000đ trong đó có 6.000.000đ là loại tiền polime mệnh giá 500.000đ, còn lại là tiền mệnh giá 100.000đ và 200.000đ; T cất dấu số tiền này vào giường gỗ trong gian phòng ngủ của hai vợ chồng rồi thay quần áo đi ra ruộng làm việc đến tối mới trở về nhà.

Vào khoảng 19 giờ, T sang nhà ông Lê Đình Lâm ở cùng thôn ăn cơm, uống rượu; đến khoảng 20 giờ 15 phút, T về nhà cầm toàn bộ số tiền trộm cắp được tại nhà anh Q mang đi với mục đích tìm chỗ đánh bạc. Sau đó, T sang nhà anh Lê Văn Định ở cùng thôn thì thấy một số người khác đang ngồi ăn cơm, uống rượu, khi thấy T đến

thì mọi người có rủ T uống rượu, T đồng ý và ngồi uống rượu cùng mọi người; trong khi uống rượu, T có rủ anh Định đánh bạc nhưng anh Định không đồng ý, T ở nhà anh Định đến khoảng 22 giờ thì ra về. Trên đường trở về T có qua nhà bà Lê Thị Xứ (ở trước ngõ nhà T) ngồi uống nước nói chuyện; đến khoảng 23 giờ, T ra về, khi đi ra đến cổng nhà bà Xứ, T phát hiện số tiền trộm cắp được để trong túi quần đã bị rơi mất, T không nói với ai. Khi về đến nhà, T đợi cho vợ đi ngủ rồi một mình lấy đèn pin đi tìm số tiền nhưng không thấy. Đến sáng ngày 06/1/2022, T nhận được giấy triệu tập của Công an xã Hóa Quỳ, huyện Như Xuân. Do đã tự nhận thức được hành vi phạm tội của mình nên T xin được đầu thú về vi phạm tội của bản thân.

Sau khi phạm tội, bị cáo T đã thỏa thuận với người bị hại bồi thường đầy đủ số tiền trộm cắp. Người bị hại nhận đủ tiền và không có yêu cầu thiệt hại gì, đồng thời có đơn xin giảm trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Tại bản Cáo trạng số: 16/CT-VKSNX ngày 16/3/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Xuân truy tố bị cáo Lê Đình T, về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo. Kết luận giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 65 BLHS. Xử phạt bị cáo Lê Đình T từ 9 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 đến 24, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng khoản 5 Điều 174 BLHS làm hình phạt bổ sung đối với bị cáo; Về án phí: Bị cáo được miễn án phí HSST theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Q số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tại bản bào chữa gửi cho Tòa án, Trợ giúp viên pháp lý Hoàng Đức Hiếu bào chữa cho bị cáo Lê Đình T nêu quan điểm: Nhất trí với bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Xuân truy tố bị cáo Lê Đình T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại trực tiếp đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây thiệt hại kinh tế cho người khác, gây mất trật tự và an toàn xã hội nên cần có mức hình phạt phù hợp đối với bị cáo. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo đã có thái độ thành khẩn khai báo với hành vi phạm tội của mình, chủ động bồi thường cho người bị hại và được người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Mặt khác, bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, là người dân tộc thiểu số nên chưa cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần để bị cáo cải tạo tại địa phương trong một thời gian nhất định cũng đủ để răn đe, giáo dục bị cáo trở

thành công dân có ích cho xã hội. Có như vậy bị cáo mới thấy được tính nhân đạo của pháp luật XHCN để cải tạo, sửa chữa lỗi lầm của mình. Ngoài ra, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lê Đình T.

Phần tranh luận: Bị cáo không có ý kiến tranh luận bổ sung gì.

Quan điểm đối đáp của đại diện viện kiểm sát: Giữ nguyên như đã trình bày.

Lời nói sau cùng, Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Như Xuân, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Xuân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét về hành vi của bị cáo thấy rằng: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, cùng với các tài liệu điều tra khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 05/1/2022, bị cáo Lê Đình T sang nhà anh Q thấy cánh cửa căn nhà gỗ khép hờ nên đã lén lút, nhanh chóng tiến lại khu vực chiếc vali vải tại gian trong phòng ngủ của gia đình anh Q, T thò tay phải vào bên trong vali đựng quần áo để tìm tiền thì phát hiện bên dưới lớp quần áo sát với mép trong bên phải chiếc vali có một cục tiền polime được gấp đôi. Sau khi lấy được số tiền của gia đình anh Q, T trở về nhà đếm được 10.000.000đ, số tiền này T đã đánh mất vào tối cùng ngày. Hành vi nêu trên của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173, như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét về tính chất, mức độ hành vi và hậu quả thấy rằng: Đây là vụ án xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại trực tiếp đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây thiệt hại kinh tế cho người khác, gây mất trật tự và an toàn xã hội. Vì vậy cần phải có hình phạt

ng nghiêm đối với bị cáo để trừng trị và giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa và giáo dục những người khác tôn trọng pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm.

[4] Xét về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo thấy rằng:

Bị cáo Lê Đình T có nhân thân tốt; chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự nguyện bồi thường cho bị hại và được bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên trong vụ án này bị cáo Lê Đình T được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ răn đe, giáo dục các bị cáo thành công dân tốt.

[5] Về phần bồi thường trách nhiệm dân sự: Bị cáo Lê Đình T đã bồi thường cho bị hại anh Lê Đình Q số tiền 10.000.000đ mà T đã trộm cắp của anh Q. Anh Q không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Xét về phần vật chứng của vụ án: Đối với số tiền 10.000.000đ mà Lê Đình T trộm cắp của anh Lê Đình Q, quá trình điều tra, T khai báo đã làm rơi ở đâu không rõ do đã uống rượu. Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm, tuy nhiên không tìm thấy. Hội đồng xét xử đề nghị Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, khi nào phát hiện thông tin số tiền trên sẽ tiến hành xử lý theo quy định của pháp luật.

[7] Về phần hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, hoàn cảnh gia đình bị cáo hiện gặp nhiều khó khăn thuộc hộ cận nghèo (có xác nhận của chính quyền địa phương). Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết áp dụng khoản 5 Điều 173 BLHS làm hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo có tội nên phải chịu án phí; Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 65 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Đình T, phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Lê Đình T 9 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Đình T cho UBND xã Hóa Quỳ, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Lê Đình T có trách nhiệm phối hợp chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự: Hội đồng xét xử không xem xét.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Đình T.

Về phần án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 136 BLTTHS năm 2015; Điều 6; khoản 1 Điều 21 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Lê Đình T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí HSST.

Trường hợp bản án, quyết định được Thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai. Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày tuyên án; Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Như Xuân;
- Công an huyện Như Xuân;
- Chi cục THA DS huyện Như Xuân;
- UBND xã Hóa Quỳ, huyện Như Xuân;
- Bị cáo; Bị hại; Người bào chữa cho bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngô Công Tuấn